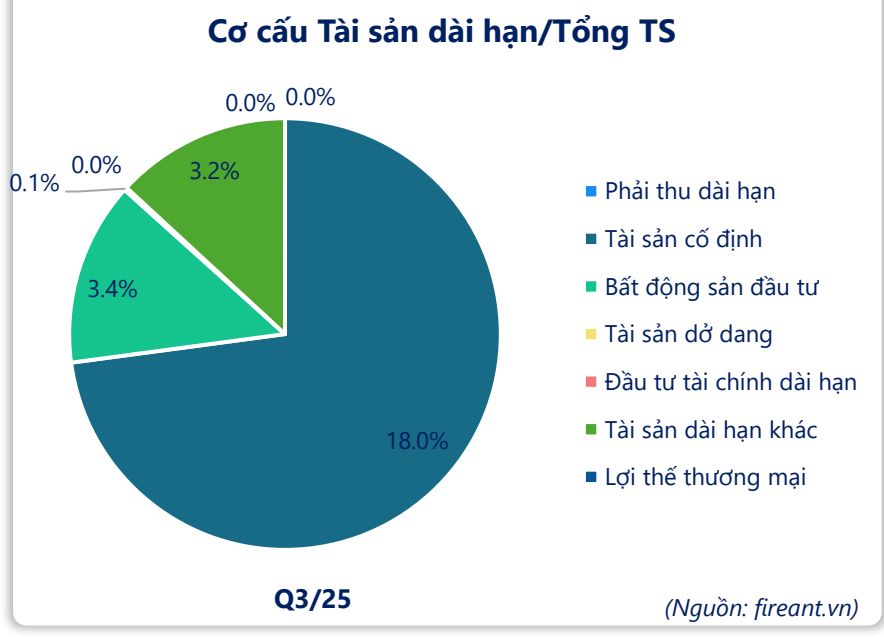
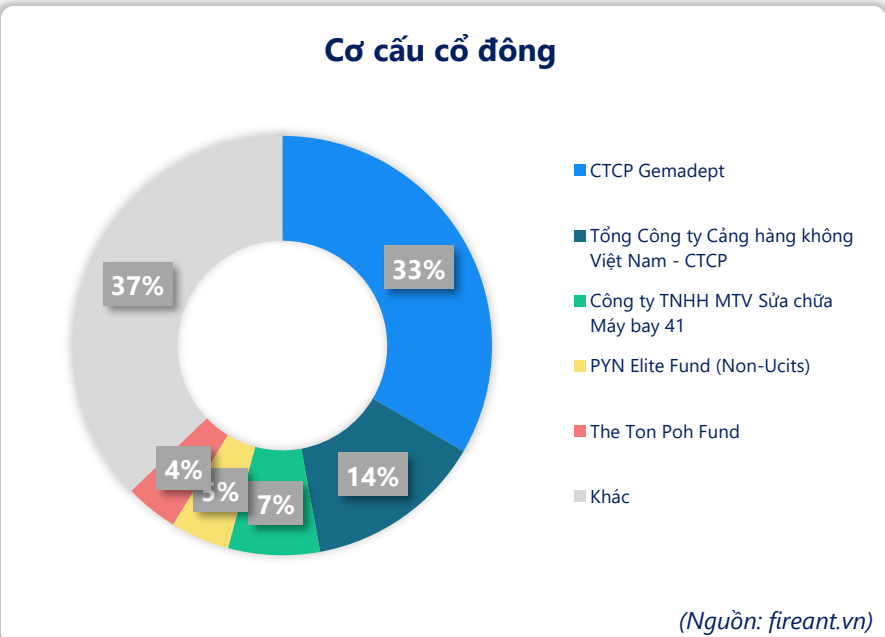
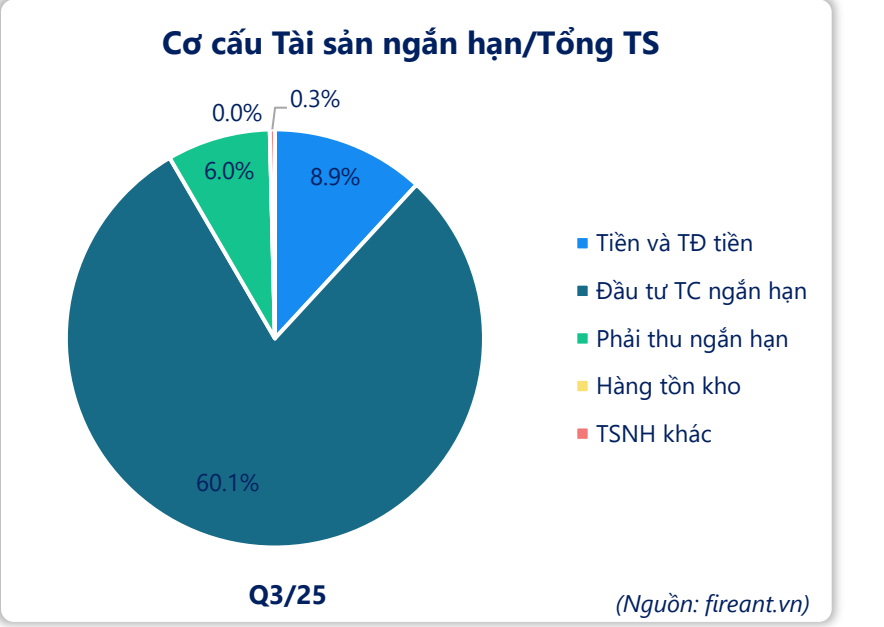
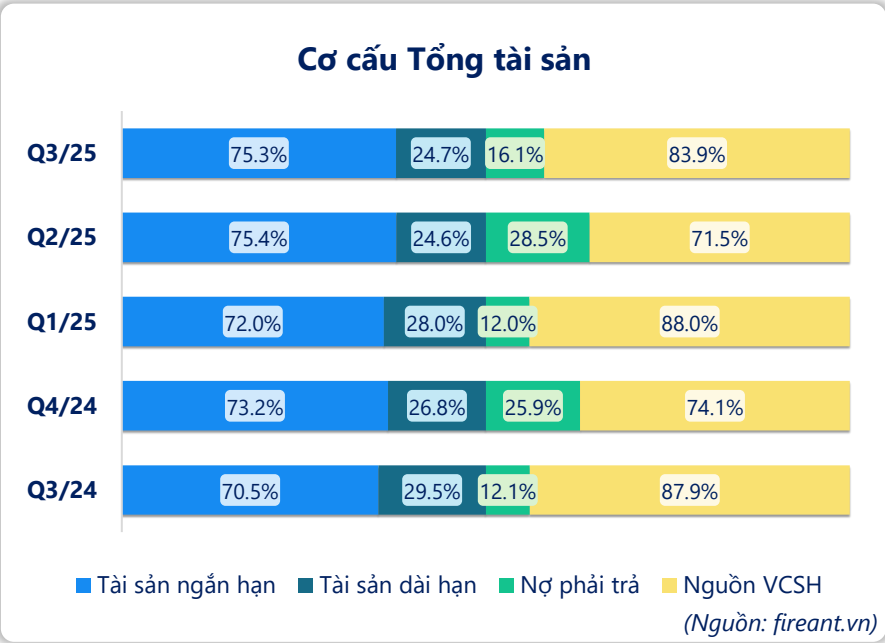
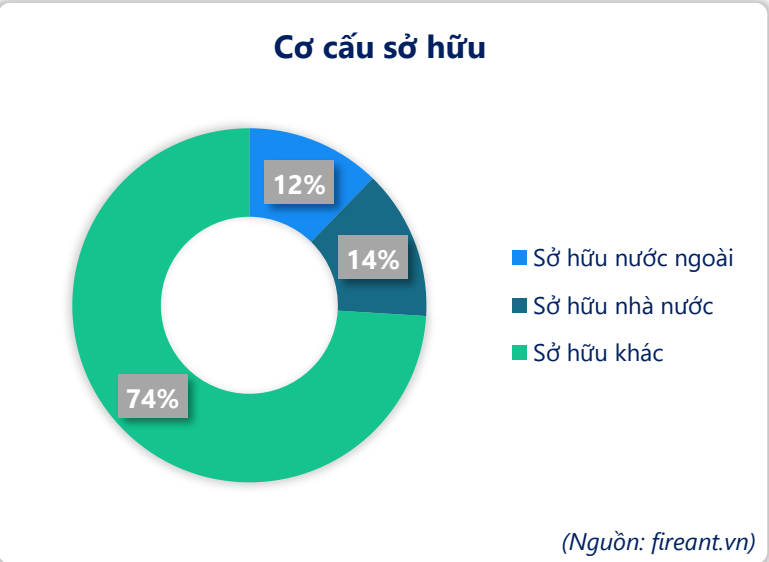
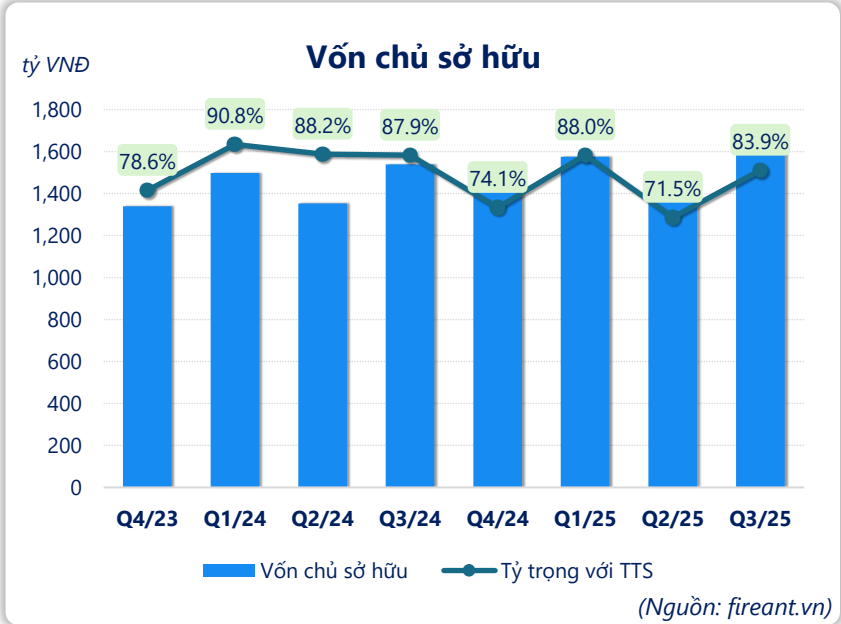
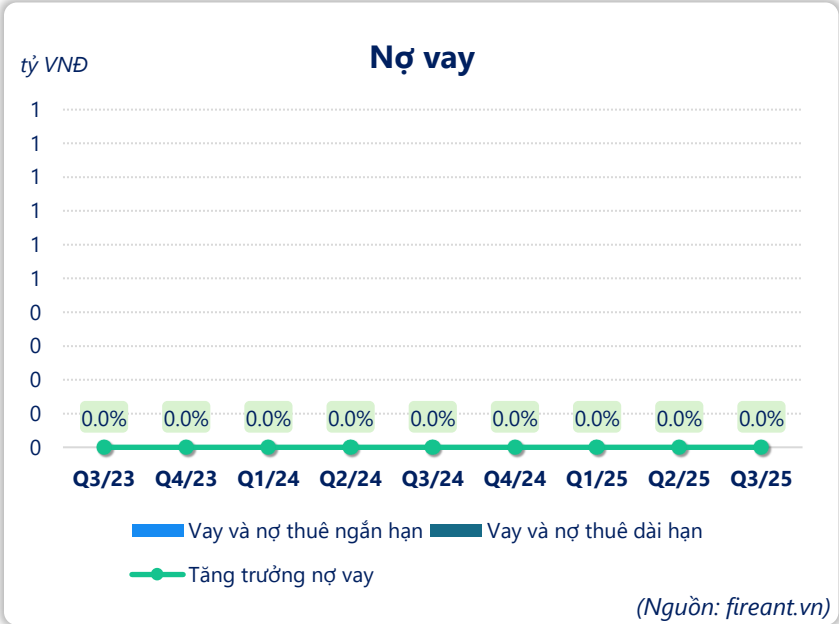
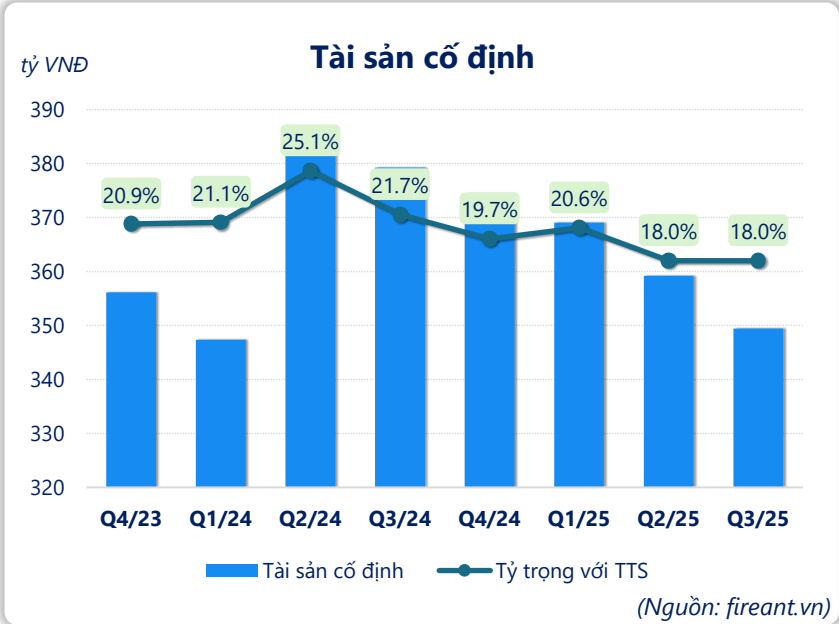
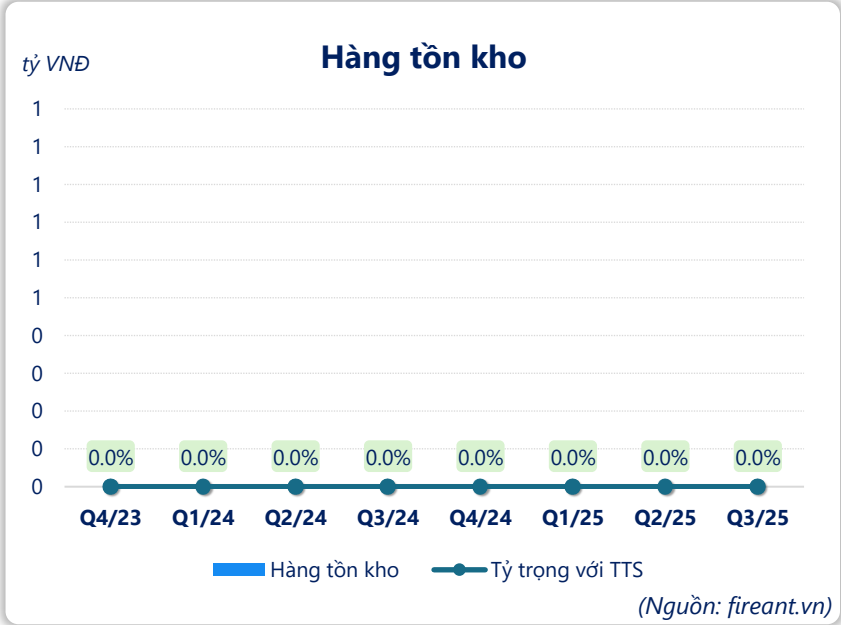
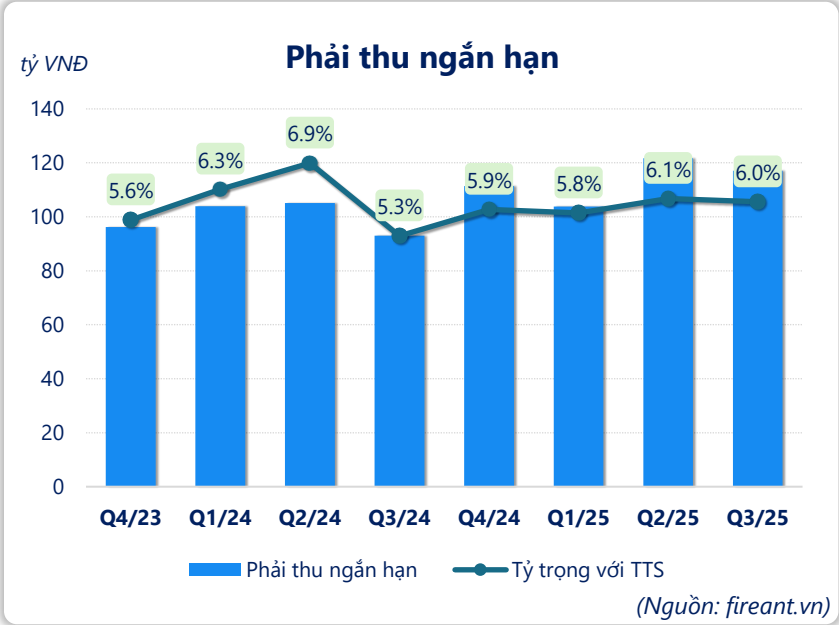
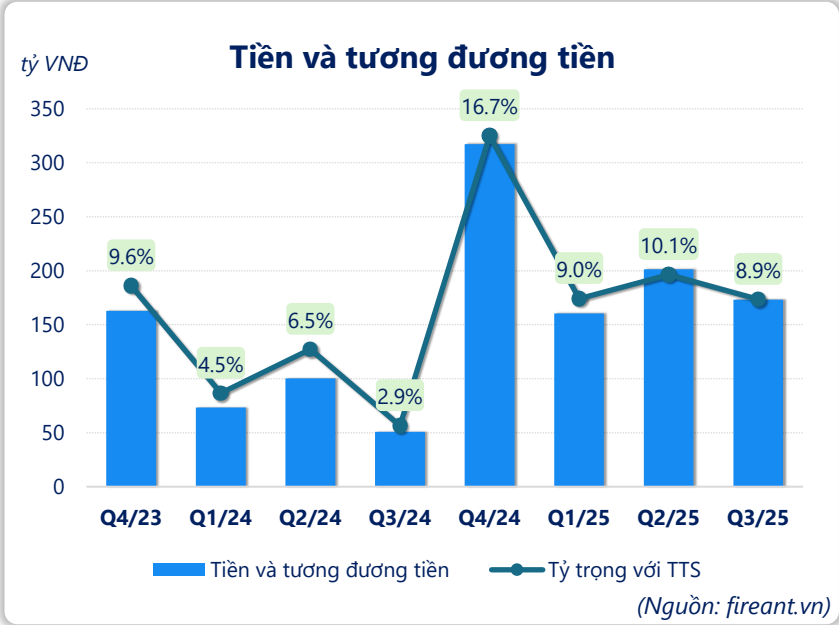
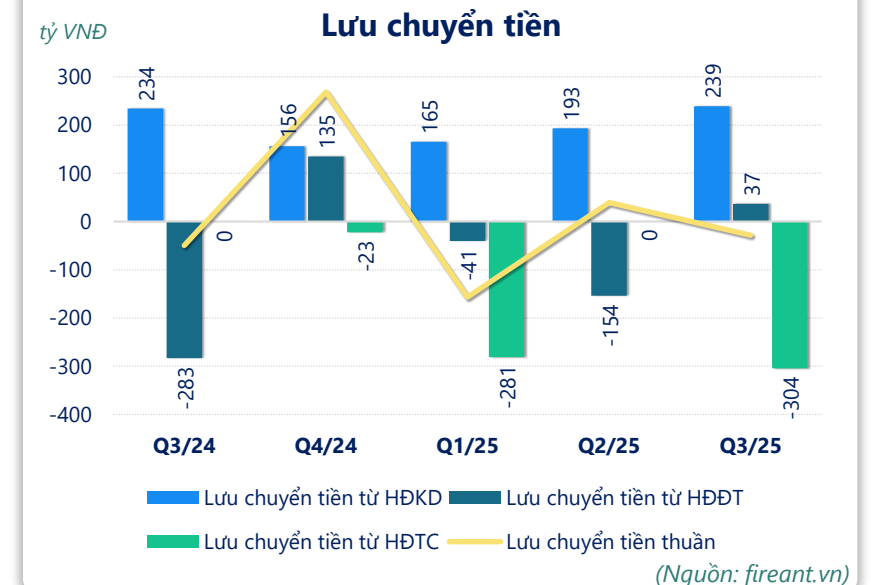
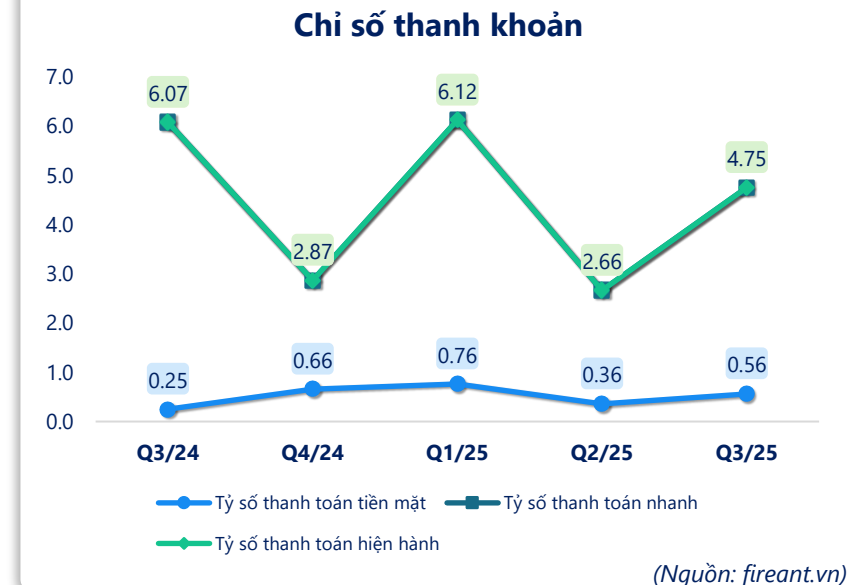
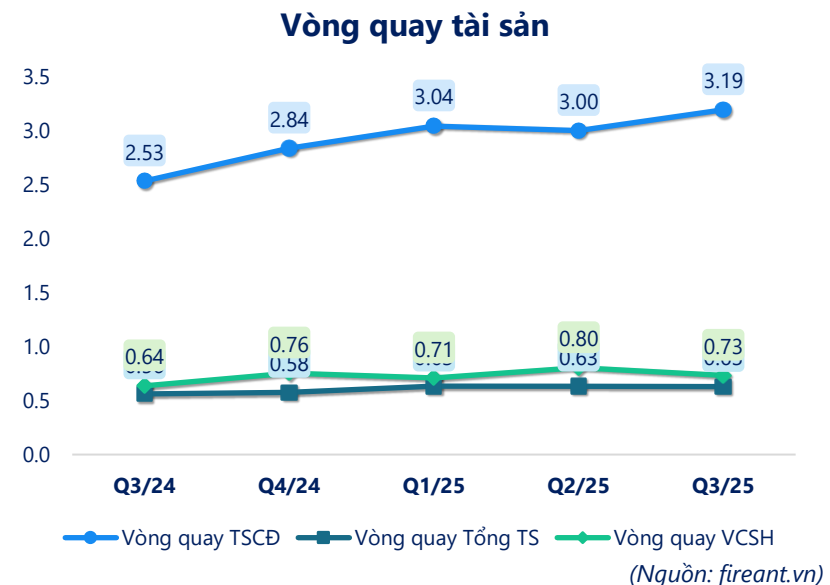
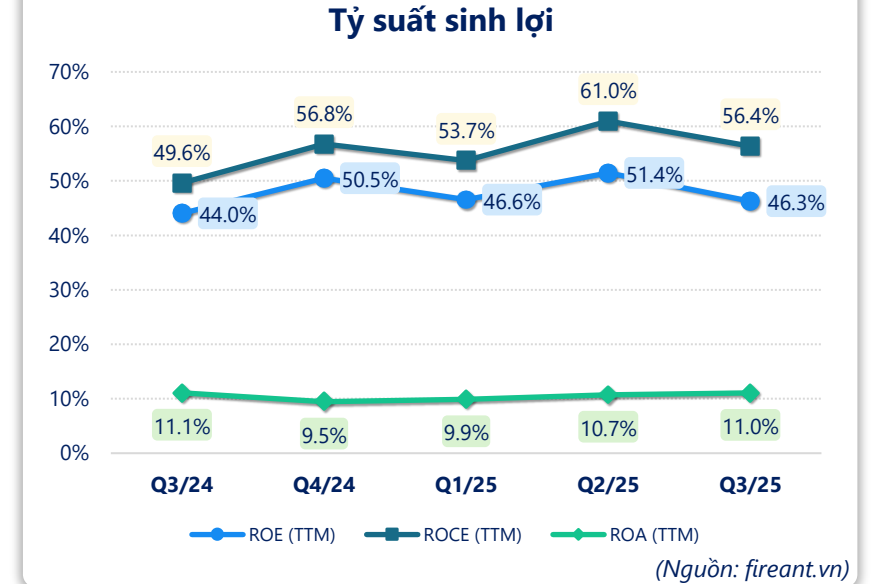
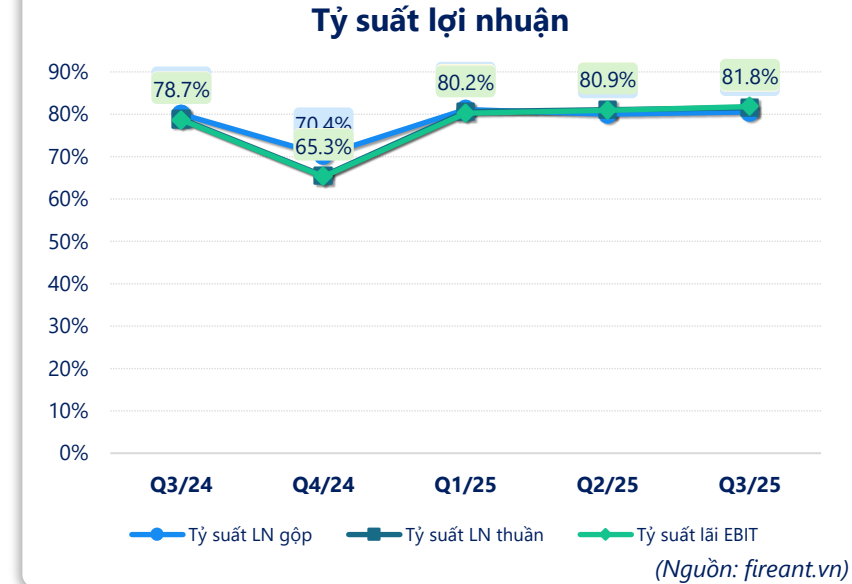
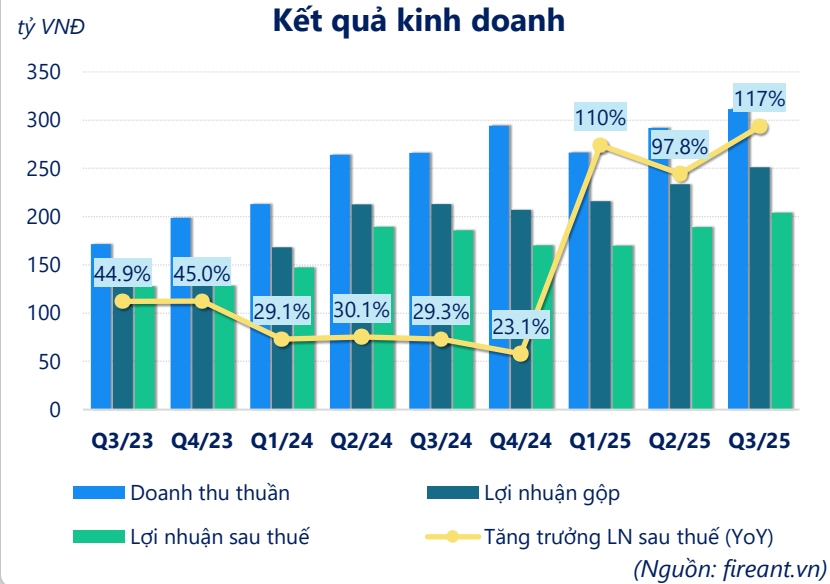


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		62,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		81,101
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		49,996
SL cổ phiếu LH		102,076,982
KLGD BQ 20 phiên (CP)		250,140
% sở hữu nước ngoài		12.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		6,329
P/E		8.6
EPS		7,183

	YTD	1T	3T	6T
SCS	-19.2%	2.1%	-2.0%	-7.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,942	1,898	2.3%
Tài sản ngắn hạn	1,462	1,388	5.3%
Tiền và tương đương tiền	173	317	-45.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,166	954	22.2%
Phải thu ngắn hạn	117	111	5.1%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	5.75	5.65	1.8%
Tài sản dài hạn	479	509	-5.8%
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.0%
Tài sản cố định	349	374	-6.7%
Bất động sản đầu tư	66.0	71.4	-7.5%
Tài sản dở dang	1.04	0.06	1738%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	62.9	63.2	-0.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	312	492	-36.6%
Nợ ngắn hạn	308	487	-36.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.81	5.83	-0.3%
Nợ dài hạn	3.97	4.41	-9.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,630	1,406	15.9%
Vốn chủ sở hữu	1,630	1,406	15.9%
Vốn điều lệ	1,021	1,021	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	266	294	266	292	312
Giá vốn hàng bán	53.1	87.2	50.3	58.3	60.6
Lợi nhuận gộp	213	207	216	233	251
Doanh thu HĐTC	12.2	15.3	13.6	18.1	18.4
Chi phí TC	0.00	1.06	0.00	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	15.3	28.5	14.9	15.1	15.3
LN thuần từ HĐKD	210	193	215	236	254
Lợi nhuận khác	-0.51	-0.58	-1.04	-0.38	0.85
LN trước thuế	209	192	214	236	255
Lợi nhuận sau thuế	186	170	170	189	204
LNST của CĐ cty mẹ	186	170	170	189	204

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	234	156	165	193	239
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-283	135	-40.6	-154	36.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.39	-22.7	-281	-0.13	-304
Tiền đầu kỳ	100	50.9	317	161	202
Lưu chuyển tiền thuần	-49.5	268	-157	39.0	-28.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-1.96	0	2.00	0
Tiền cuối kỳ	50.9	317	161	202	173

(Nguồn: fireant.vn)